TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS-PT
Ngày 27-11-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Nguyệt

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T. Cư trú tại: Đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Kim C. Cư trú tại: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Kim C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Giấy vay tiền đề ngày 19-12-2018 (âm lịch) thể hiện nội dung: Bị đơn bà Trần Kim C vay của nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền 30.000.000đồng nhưng không thể hiện về thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và có chữ ký xác nhận của người vay là bà Trần Kim C.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Do là hàng xóm nên nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 30.000.000đồng vào ngày 19-12-2018 (âm lịch). Việc vay tiền có được lập thành văn bản tuy không thoả thuận về thời hạn vay, nhưng có thoả thuận miệng thời hạn vay là 03 tháng. Khi cho vay, nguyên đơn đưa tiền mặt trực tiếp cho bị đơn, không có ai chứng kiến. Nguyên đơn chỉ biết cho bị đơn vay tiền, không biết bị đơn vay hộ ai. Do nguyên đơn đã nhiều lần đòi tiền nhưng bị đơn không trả, nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn ra Tòa. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền gốc đã vay là 30.000.000đồng và không yêu cầu trả lãi. Tại phiên hòa giải và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn lại xác định bị đơn đã trả được 10.000.000đồng tiền gốc (trả thành nhiều lần, không nhớ số tiền cụ thể của từng lần trả) nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 20.000.000đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trong thời gian đã vay vừa qua.

Bị đơn bà Trần Kim C trình bày: Bị đơn thừa nhận được vay 30.000.000đồng của nguyên đơn theo Giấy vay tiền ngày 19-12-2018 (âm lịch), bị đơn là người viết giấy và đã nhận đủ số tiền này. Hai bên có thoả thuận miệng thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 1.800.000đồng/tháng. Bị đơn vay số tiền này là vay hộ cho hàng xóm bà Nguyễn Thị Kim T. Do đang có có xích mích với nguyên đơn và lại cần tiền để bồi thường do xảy ra vụ tai nạn giao thông nên bà Nguyễn Thị Kim T có thỏa thuận miệng nhờ bị đơn đứng ra vay tiền của nguyên đơn hộ. Sau khi được nhận tiền vay, bị đơn đã đưa 30.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị Kim T và hai bên cũng có lập văn bản nhưng bị đơn đã làm mất văn bản này. Từ ngày 19-01-2019 đến ngày 19-12-2019, mỗi tháng bà Nguyễn Thị Kim T trả bằng tiền mặt cho bị đơn số tiền lãi là 1.800.000đồng nhưng không lập giấy tờ. Sau mỗi lần nhận tiền lãi từ bà Nguyễn Thị Kim T, bị đơn đã trả lại ngay tiền lãi cho nguyên đơn và cũng không lập giấy tờ. Tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn trong năm 2019 là 21.600.000đồng. Đầu năm 2020, bà Nguyễn Thị Kim T chuyển nhà đi nơi khác, không trả tiền lãi nữa nên bị đơn đến gặp nguyên đơn và thỏa thuận miệng số tiền lãi 21.600.000đồng đã trả là trả vào tiền nợ gốc; hai bên có chốt lại với nhau là bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn nốt số tiền gốc khoảng 10.000.000đồng và không phải trả lãi. Sau đó, trong năm 2020 bị đơn đã trả dần bằng tiền mặt cho nguyên đơn, mỗi lần trả từ 500.000đồng đến 1.500.000đồng và đã trả đủ 10.000.000đồng. Do tin tưởng nhau nêu những lần trả tiền này bị đơn không lập biên bản và ký giao nhận tiền mà tự nguyên đơn sẽ ghi vào sổ theo dõi của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 30-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền vay nợ gốc còn thiếu là 20.000.000đồng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, về án phí, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Trần Kim C có kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc buộc bà Trần Kim C phải trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ gốc 20.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 10.000.000đồng. Trường hợp chậm trả tiền thì bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Đối với án phí dân sự sơ thẩm thì nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 250.000đồng. Bị đơn có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

[2] Về trách nhiệm trả nợ: Bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền (nợ gốc) là 10.000.000đồng. Trường hợp chậm trả tiền thì bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn, bị đơn mỗi người tự chịu 250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 500.000đồng. Do bị đơn là người cao tuổi và có đơn đề nghị nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Bị đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm; tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Do bị đơn là người cao tuổi và có đơn đề nghị nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bị đơn 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[5] Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 30-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các Điều 158, Điều 160, Điều 166, Điều 221, Điều 235, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về trách nhiệm trả nợ: Bị đơn bà Trần Kim C phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền (nợ gốc) là 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Lê Thị T phải chịu 250.000đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 30-5-2024, bà Lê Thị T đã nộp 750.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000267 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ hoàn trả lại cho bà Lê Thị T số tiền 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng).

Bà Trần Kim C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Kim C được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Kim C 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số

0000379 ngày 20-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa